TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **187**/2021/DSPT
Ngày: 20/5/2021

V/v tranh chấp: "Thừa kế theo di chúc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Thẩm phán*:

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

2. Ông **Lê Hoàng Hiệp.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Thủy,** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày **13** và **20** tháng **5** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 530/2020/TLPT-DS ngày 30/11/2020 về tranh chấp: "Thừa kế theo di chúc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 202/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 628/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1957. Địa chỉ: X đường LTK, tổ 10, khu phố 8, phường Y, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Bị đơn:* Ông **Trần Văn H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp HĐ, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã ML, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

3. Bà **Trần Thị K1**, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã AC, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1966 (chết)

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn B:

4.1 Anh **Trần Minh D**, sinh năm 1988 (có mặt)

4.2 Chị **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: số 243, tổ 6, ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông **Trần Văn Ng**, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

7. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

8. Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1976

Người đại diện ủy quyền của bà Trần Thị H1: Ông **Hoàng Thanh T**, sinh năm 1972, địa chỉ: số 240, tổ 16, ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

9. Bà **Trần Thị D**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: số M, ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

10. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp ML, xã TT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

11. Bà **Lê Thị S,** sinh năm 1975. (có mặt)

12. Anh **Trần Hữu N,** sinh năm 1998

13. Chị **Trần Xuân M,** sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của anh Trần Hữu N và chị Trần Xuân M: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

* *Người kháng cáo*: Nguyên đơn **Trần Thị N**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

** Theo tờ tự khai, đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N và lời trình bày , các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện CB phía đại diện ủy quyền cho nguyên đơn phía ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Bà Nguyễn Thị X (1930-2016) và ông Trần Văn H (1927-2008) có 12 người con gồm: Trần Thị N, Trần Văn H, Trần Thị K, Trần Thị C, Trần Thị M, Trần Thị D, Trần Thị K1, Trần Văn T, Trần Văn B (1966-2020), hàng thừa kế của ông B có 02 người con là Trần Minh D, Trần Thị Kim T); Trần Văn Ng, Trần Thị H và Trần Thị H1. Sinh thời, bà X đại diện hộ gia đình đứng tên 03 thửa đất gồm thửa số 896, tờ bản đồ số HKC2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, diện tích 2.853 m^2 đất tọa lạc tại ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2009; thửa đất số 1017 tờ bản đồ số HKC3, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, diện tích 329 m^2 đất tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được UBND huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/10/2009 và thửa đất số 1637 tờ bản đồ số HKC3, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.135 m^2 đất tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2010 trên thửa đất này có một căn nhà cấp 4.

Ngày 20/6/2012, bà X có lập tờ di chúc để lại toàn bộ tài sản gồm 03 thửa đất nêu trên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho nguyên đơn được thừa hưởng khi bà qua đời, với nội dung di chúc như sau: Nay trong tình trạng tinh thần minh mẫn và hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép, đe dọa hoặc lừa dối, tôi lập di chúc này quyết định nội dung như sau "Sau khi tôi qua đời thì toàn bộ phần tài sản 03 thửa đất nêu trên và căn nhà, vật kiến trúc trên đất cho con tôi là Trần Thị N được quyền quản lý, sử dụng và quyền được phân chia cho các cháu sau này. Trong lúc tôi mạnh khỏe cũng như ốm đau con tôi là Trần Thị N phải có bổn phận nuôi dưỡng, chăm sóc tôi lúc tuổi già và sau này khi tôi mất có nghĩa vụ bảo quản phần tài sản này, không nên sang nhượng. Sau khi bà X qua đời, phía nguyên đơn có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã nơi lưu giữ bản di chúc, lúc này cán bộ tư pháp xã hứa sẽ mời các thành viên là các con bà X đến để công bố di chúc lập ngày 20/6/2012, nhưng sau đó phía cán bộ tư pháp xã lại cung cấp tờ tuyên bố hủy di chúc đề ngày 10/11/2014, tờ tuyên bố hủy di chúc này không có chứng thực, cũng không có người làm chứng, tại thời điểm đó bà X cũng đã 84 tuổi, bà không biết chữ và cũng không biết chữ ký tên. Phía nguyên đơn có làm đơn khiếu nại việc Ủy ban nhân dân xã HK không công bố di chúc do bà X lập ngày 20/6/2012. Sau đó Ủy ban nhân dân xã HK có văn bản trả lời lý do không công bố di chúc lập ngày 20/6/2012 vì bà X đã có tờ hủy di chúc lập ngày 10/11/2014.

Phía nguyên đơn có khởi kiện vụ án hành chính đối với Ủy ban nhân dân xã HK.

Ngày 24/3/2017, Ủy ban nhân dân xã có tiến hành mời các bên đến Ủy ban nhân dân xã lập biên bản công bố tờ di chúc lập ngày 20/6/2012 và tờ hủy di chúc lập ngày 10/11/2014, phía nguyên đơn và ông B không đồng ý tờ tuyên bố hủy bỏ di chúc. Ngày 30/3/2017 Tòa án huyện CB đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính. Hiện tại các thửa đất và tài sản gắn liền trên các thửa đất đang tranh chấp đều do phía bị đơn đang quản lý, sử dụng. Theo phía nguyên đơn được biết thửa đất số 1637 tờ bản đồ số HKC3, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.135m^2 đất tọa lạc tại ấp HP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang phía bà X lúc còn sống đã tách thành 02 thửa 481 và 482. Ngày 31/3/2014 bà X tặng cho bà Trần Thị H1 thửa đất số 482, tờ bản đồ 14, diện tích 52,3m^2. Phần còn lại là thửa 481, tờ bản đồ số 14, diện tích 963,2m^2 bà X được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/5/2014, sau đó bà X có tặng cho ông Hoàng Thanh T 24m^2 diện tích đất nằm trong thửa 481.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy tờ hủy bỏ di chúc lập ngày 10/11/2014 của bà Nguyễn Thị X.

+ Công nhận tờ di chúc do bà X lập ngày 20/6/2012.

+ Phía nguyên đơn yêu cầu được chia toàn bộ tài sản theo tờ di chúc lập ngày 20/6/2012 cụ thể các thửa đất số 896, 1017 và thửa 481 có căn nhà gắn liền (thửa 481 là diện tích đất còn lại có nguồn gốc từ thửa 1637 sau khi bà X tách chuyển cho bà Hiệp và ông Tài)

** Tại tờ tự khai, ý kiến tại các biên bản hòa giải phía bị đơn Trần Văn H (đồng thời cũng là đại diện ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hữu N và chị Trần Xuân M) trình bày:*

Về quan hệ nhân thân, nguồn gốc tài sản đang tranh chấp; họ tên năm sinh năm mất của cha mẹ và họ tên năm sinh của các anh chị em thì phía bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Ông xác định khi mẹ ông là bà X tiến hành lập tờ di chúc ngày 20/6/2012 bản thân ông và các anh chị em khác không hề hay biết gì, khi hai bên phát sinh tranh chấp thì ông mới biết được là phía nguyên đơn có khiếu nại Ủy ban nhân dân xã HK về việc không tiến hành công bố tờ di chúc do bà X lập ngày 20/6/2012. Ngày 24/3/2017, Ủy ban nhân dân xã HK có mời tất cả các anh chị em của ông đến làm việc để công bố Tờ di chúc ngày 20/6/2012 và tờ tuyên bố hủy bỏ di chúc ngày 10/11/2014 đều do bà X lập thì lúc đó ông mới biết rõ vụ việc, tại buổi làm việc ngày đó phía nguyên đơn và ông B không đồng ý tờ hủy bỏ di chúc và yêu cầu công nhận tờ di chúc lập ngày 20/6/2012, còn ông và các đồng thừa kế còn lại đều thống nhất theo tờ hủy bỏ di chúc ngày 10/11/2014 do bà X lập. Ông xác định việc bà X lập tờ di chúc ngày 20/6/2012 cho toàn bộ các thửa đất cho bà N là không phù hợp theo quy định pháp luật. Ngoài ra ngày 10/11/2014 bà X đã có đến Ủy ban nhân dân xã để lập tờ hủy di chúc để xác định hủy bỏ di chúc lập ngày 20/6/2012 thể hiện ý chí định đoạt của bà X.

Nay ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông xác định tờ di chúc lập ngày 20/6/2012 do bà X lập là không có giá trị pháp lý, ông không đồng ý chia 03 thửa đất và tài sản gắn liền trên đất theo yêu cầu của nguyên đơn, ông xác định tờ hủy bỏ di chúc do bà X lập ngày 10/11/2014 là phù hợp theo pháp luật, phù hợp ý chí của bà X.

** Tại bản khai, ý kiến tại các biên bản hòa giải, phía những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Trần Thị C, Trần Thị K, Trần Thị K1, Trần Văn Ng, Trần Văn T, Trần Thị H, Trần Thị H1 (đại diện ủy quyền là ông Hoàng Thanh T), bà Lê Thị Sau, anh Trần Minh D, chị Trần Thị Kim T trình bày:*

Các ông, bà, anh, chị đều thống nhất lời trình bày của ông Trần Văn H và không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 202/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Căn cứ các điều 26, 35, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 646, 647, 648, 649, 650, 652, 653, 655, 658, 662, 665, 667 và 672 của Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (đại diện ủy quyền cho bà N là ông Nguyễn Văn D) về việc yêu cầu hủy tờ hủy bỏ di chúc lập ngày 10/11/2014 của bà Nguyễn Thị X.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (đại diện ủy quyền cho bà N là ông Nguyễn Văn D) về việc yêu cầu công nhận tờ di chúc do bà X lập ngày 20/6/2012.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (đại diện ủy quyền cho bà N là ông Nguyễn Văn D) về việc yêu cầu được chia toàn bộ tài sản theo tờ di chúc do bà X lập ngày 20/6/2012.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 02 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn Trần Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB, tuyên bố tờ hủy tờ di chúc đề ngày 10/11/2014 là trái pháp luật; công nhận tờ di chúc ngày 20/6/2012 là phù hợp quy định pháp luật; yêu cầu chia 03 thửa đất theo di chúc lập ngày 20/6/2012.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Văn H cung cấp 01 biên nhận ngày 01/10/2015 thể hiện nội dung cụ Nguyễn Thị X chuyển nhượng cho ông Mai Thanh T phần diện tích đất ruộng nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa ông Tùng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 202/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Trần Thị N thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Văn H cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 biên nhận ngày 01/10/2015 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị X có nhượng cho anh Mai Thanh T 02 công rưỡi ruộng giá 02 cây 2/một công; không thể hiện số thửa. Ông Trần Văn H xác định thửa số 896, tờ bản đồ số HKC2, diện tích 2.853m^2 đất trồng lúa, tại ấp KP, xã HK, huyện CB, tỉnh Tiền Giang do anh Mai Thanh T đang trực tiếp canh tác, quản lý và sử dụng, bà Nguyễn Thị X đã nhận 02 cây vàng của anh Mai Thành Tùng, biên nhận do ông ký vì bà X không biết chữ; ông Trần Văn H cũng trình bày ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án không hỏi nên ông không biết để trình bày.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Trần Thị K, bà Trần Thị C, bà Trần Thị M, bà Trần Thị D, bà Trần Thị K1, ông Trần Văn T, ông Trần Văn Ng, bà Trần

Thị H và bà Trần Thị H1 thống nhất trình bày thửa 896, diện tích 2.853m^2, bà Nguyễn Thị X đã chuyển nhượng cho anh Mai Thanh T và hiện nay anh Tùng đang quản lý, sử dụng. Ngoài thửa số 896, tờ bản đồ số HKC2, diện tích 2.853m^2 thì bà Nguyễn Thị X không còn thửa đất ruộng nào có diện tích trên 2.000m^2.

[4] Xét, anh Mai Thanh T là người đang trực tiếp quản lý và canh tác thửa đất tranh chấp số 896, diện tích 2.853m^2 nhưng không được đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử cần hủy án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Ngoài ra, bản án sơ thẩm nhận định cho rằng bà Nguyễn Thị X lập tờ hủy bỏ di chúc đã lập ngày 20/6/2012 là phù hợp quy định pháp luật, nhưng trong hồ sơ vụ án chỉ là bản photo và một số tài liệu, chứng cứ khác cũng bản photo là không đảm bảo giá trị pháp lý của chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị N.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 202/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bà Trần Thị N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Trần Thị N 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004093 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2021. Có mặt ông D, ông N, bà K, bà C, bà M, bà D, bà K1, ông T, ông Ng, bà H và bà H1; vắng mặt anh D và chị T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- Chi cục THADS huyện CB;
- Các đương sự;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, án văn.

DSPT-2021-Tâm